

# VÀI NÉT VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT Ở ĐẮK LẮK TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2003

NGUYỄN DUY THỤY\*

*Tỉnh Đắk Lắk nằm ở vị trí trung tâm của vùng Tây Nguyên, có vai trò quan trọng chiến lược về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái của nước ta. Từ sau ngày miền Nam giải phóng, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986 đến nay), vấn đề đất đai của các tỉnh ở Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt, vì đó là một trong những nội dung chủ yếu của chính sách dân tộc và nằm trong chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Tây Nguyên.*

*Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về thực trạng quản lý và sử dụng ruộng đất ở Đắk Lắk dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh từ năm 1986 đến năm 2003, là khoảng thời gian tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện đường lối đổi mới đến thời điểm trước khi tách thành hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông; đồng thời, phân tích những nguyên nhân khách quan, chủ quan của thực trạng tình hình ruộng đất ở đây, qua đó góp phần đề ra hướng giải quyết đúng đắn vấn đề đất đai ở địa phương.*

1. Việt Nam là một nước nông nghiệp. Trải qua hàng ngàn năm phát triển của lịch sử dân tộc, vấn đề nông nghiệp luôn có tầm quan trọng đặc biệt. Trong điều kiện xuất phát điểm thấp của nền kinh tế, đối với Đắk Lắk nông nghiệp càng có vai trò quyết định.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tháng 12-1986, đã đề ra nhiệm vụ “phải quy hoạch sử dụng đất đai, làm tốt công tác quản lý ruộng đất”. Tiếp sau Đại hội VI của Đảng, nhiều biện pháp và chính sách cụ thể liên quan đến khai thác và sử dụng đất, rừng đã được ban hành, trong đó đáng chú ý là Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định

số 72 của Hội đồng Bộ trưởng về phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, Chỉ thị 525 của Thủ tướng Chính phủ về duy trì và bảo vệ rừng, Nghị định 02 của Chính phủ và Quyết định 202 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất giao rừng cho người dân quản lý và bảo vệ, Quyết định 327 của Chính phủ về việc gắn công tác định canh định cư với bảo vệ rừng và phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đặc biệt là sự ra đời của Luật Đất đai năm 1993 thay thế cho Luật Đất đai năm 1987 đã có những tác động mạnh đến tình hình quản lý và sử dụng đất đai ở Đắk Lắk.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tỉnh Đắk Lắk đã quan tâm chỉ đạo công tác quản lý, quy hoạch

\* Nghiên cứu sinh Viện Sử học

và sử dụng ruộng đất trong tỉnh. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tháng 1-1992, đã xác định: “Quy hoạch đủ ruộng đất canh tác, đất ở và vườn cho từng hộ gia đình, có giao thông thuận tiện, thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho ruộng nước và cây công nghiệp, có đủ trường học, trạm y tế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, có cơ sở thương nghiệp hoặc chợ nông thôn”<sup>1</sup>. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đề ra nhiệm vụ “khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, rừng, đảm bảo phát huy và khai thác hết tiềm năng và thế mạnh sẵn có của tỉnh”<sup>2</sup>.

2. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, qua gần 30 năm từ sau ngày giải phóng miền Nam (1975) đến năm 2003, việc khai thác và sử dụng đất đai ở Đắk Lắk được triển khai thực hiện chủ yếu qua ba hình thức: Phát triển các nông - lâm trường quốc doanh, đưa dân từ các tỉnh đồng bằng lên xây dựng kinh tế mới và thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc tại chỗ.

*Hình thức thứ nhất, phát triển nông - lâm trường quốc doanh.* Đây là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1986, nhằm khai thác tiềm năng đất đai ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng. Trong những năm cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80, kinh tế quốc doanh nông - lâm nghiệp, bao gồm cả Trung ương và địa phương được xây dựng ồ ạt ở Đắk Lắk. Tuy nhiên, do việc quy hoạch không hợp lý nên đã dẫn đến sử dụng kém hiệu quả và lãng phí đất, rừng được giao. Năm

1985, trước khi đất nước thực hiện đổi mới, các cơ sở quốc doanh chiếm 86,13% diện tích đất đai toàn tỉnh, quản lý trên 20% số dân, bình quân 12,18 ha/đầu người. Trong khi đó, với diện tích còn lại là 13,87%, gần 80% số dân với bình quân 0,53 ha/đầu người, phải tự nuôi sống, gánh tất cả nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, bình quân mất đến 2/3 tổng số thu hoạch. Bên cạnh đó, các cơ sở quốc doanh không phải đóng thuế đất, được đầu tư gần như tất cả số vốn của Nhà nước (80 - 90%) lại cho một năng suất không bằng của tập thể và cá thể<sup>3</sup>.

Việc quy hoạch không hợp lý đã dẫn đến sử dụng kém hiệu quả và lãng phí đất, rừng được giao. Từ năm 1986 thực hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thu hẹp dần diện tích quản lý của các cơ sở quốc doanh. Ngày 31 - 8 - 1988, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 47 về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất. Thực hiện chủ trương của Đảng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành rà soát lại quỹ đất đã giao cho các nông - lâm trường nhưng không sử dụng hết để giao lại cho nhân dân sản xuất. Từ sau năm 1988, nhận thấy quy hoạch tổng thể của các nông - lâm trường, nhất là các lâm trường quá rộng, dẫn đến nạn phá rừng ngày càng trầm trọng và sử dụng đất đai kém hiệu quả, Nhà nước tiếp tục cho điều chỉnh theo hướng thu hẹp diện tích quản lý của các cơ sở quốc doanh trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.

Ở Đắk Lắk đã có 3 Liên hiệp xí nghiệp lâm - công nghiệp là Gia Nghĩa, Ea Súp và Đắk Lắk lần lượt được giải thể và thay vào đó là việc

thành lập các lâm trường trực thuộc Trung ương và tỉnh. Quy hoạch của từng nông - lâm trường được rà soát lại để có sự điều chỉnh về tổ chức và diện tích quản lý. Các đơn vị xét ra không đủ khả năng tự chủ trong kinh doanh và làm ăn kém hiệu quả được giải thể. Tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện cơ chế chuyển đổi đất rừng nghèo lâm nghiệp thành đất sản nghiệp hoặc thu hồi đất các nông trường để thực hiện Quyết định 132 của Thủ tướng Chính phủ về cấp đất cho các hộ nghèo thiếu đất sản xuất. Các nông lâm trường có diện tích quá rộng, không sử dụng hết đất, rừng được giao đều phải trả bớt cho địa phương sở tại. Tính từ năm 1995 đến năm 1997 đã có hơn 97.000 ha rừng thuộc các lâm trường Trung ương và tỉnh được quyết định thu hồi và trả lại cho các huyện. Tính đến năm 1997 còn lại 49 lâm trường và 38 nông trường, quản lý xấp xỉ 1 triệu ha đất, rừng, chiếm 50% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh, giảm 30% so với năm 1988<sup>4</sup>.

*Hình thức thứ hai, đưa dân lên xây dựng các vùng kinh tế mới.* Cùng với phát triển hệ thống các nông - lâm trường, đưa dân lên xây dựng các vùng kinh tế mới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm khai thác tiềm năng đất, rừng Tây Nguyên những năm sau giải phóng; đồng thời cũng là nhu cầu và đòi hỏi khách quan, góp phần giảm dân ở đồng bằng, phân bổ lại dân cư trong cả nước và tăng cường lực lượng lao động đang còn rất yếu và thiếu ở Tây Nguyên.

Dân cư ở Tây Nguyên quá thưa thớt, trong khi hơn hẳn các vùng miền núi khác trong cả nước, đất đai ở Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng rất màu mỡ và thuận lợi cho phát

triển nông - lâm nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh việc tiếp nhận dân kinh tế mới theo kế hoạch giảm dân vùng đồng bằng của Trung ương thì tình trạng di dân tự do là hiện tượng xã hội nổi cộm, ảnh hưởng trực tiếp đến khai thác và sử dụng đất đai ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng trong những năm từ sau 1986 đến nay. Trong 10 năm đầu sau giải phóng (1975 - 1986), tình trạng dân di cư tự do đến Tây Nguyên đã diễn ra nhưng còn lẻ tẻ. Nhưng từ sau năm 1986, nhất là trong khoảng thời gian từ 1994 - 1997, tốc độ di dân tự do vào Tây Nguyên gia tăng nhiều hơn so với trước. Do có điều kiện thuận lợi, Đắk Lắk là tỉnh có số lượng di dân tự do đến đông nhất so với các tỉnh khác ở Tây Nguyên. Căn cứ vào lưu lượng nhập đến, có thể tính được rằng, so với giai đoạn 1975 - 1986, tốc độ di dân tự do vào Đắk Lắk từ năm 1986 đến năm 2003 tăng gấp 13 lần. Tình trạng di cư tự do vào Đắk Lắk ngày càng đông và với tốc độ ngày càng gia tăng, gây quá tải về cơ sở hạ tầng, làm mất ổn định trật tự an ninh xã hội và ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên, môi sinh, đặc biệt là đối với công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai.

**Bảng 1.** Dân di cư tự do đến Đắk Lắk tỉnh đến năm 2003 trong tương quan với tỷ lệ dân di cư tự do của khu vực Tây Nguyên<sup>5</sup>.

Địa bàn	Số hộ	Số nhân khẩu	Tỷ lệ %
Toàn Tây Nguyên	164.172	754.317	100%
Kon Tum	7.852	40.168	0,05
Gia Lai	21.761	87.172	0,13
Đắk Lắk	77.343	375.623	0,47
Lâm Đồng	57.216	251.054	0,35

Trước tình hình đó, ngày 01- 4 - 1997, Thủ tướng Chính phủ đã ra công điện gửi các tỉnh hữu quan quyết định ngừng tiếp nhận dân di cư tự do vào Tây Nguyên. Nhờ vậy, tình trạng di dân tự do trên quy mô lớn đến Đắk Lắk sau đó đã giảm và được khắc phục dần.

*Hình thức thứ ba, thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc tại chỗ.* Đây là một chủ trương lớn và cấp bách thể hiện chính sách dân tộc của Đảng đối với dân tộc ít người. Chủ trương này nhằm hướng tới những mục tiêu chủ yếu: Trên cơ sở khai thác và sử dụng tiềm năng đất đai; ổn định chỗ ăn ở, sản xuất, nâng cao đời sống, từng bước hạn chế và đi đến xóa bỏ phương thức làm rẫy du canh. Góp phần bảo vệ đất, rừng và môi trường sống, trong đó, hạn chế tiến tới xóa bỏ nương rẫy, bảo vệ đất, rừng và môi trường sống.

Thực tiễn sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên có nhiều vấn đề đặt ra. Nổi cộm nhất là tình trạng thiếu đất sản xuất làm cho đời sống đồng bào gặp nhiều khó khăn, trật tự xã hội thiếu ổn định, có tình trạng nội bộ mất đoàn kết xảy ra. Bảng thống kê sau đây cho thấy bức tranh chung về tình trạng thiếu đất sản xuất ở các tỉnh Tây Nguyên.

**Bảng 2.** Hộ dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất ở Đắk Lắk tính đến năm 2003 trong tương quan với các tỉnh Tây Nguyên<sup>6</sup>

Địa bàn	Tổng số hộ	Số hộ thiếu đất	Tỷ lệ (%)/ tổng số hộ
Toàn Tây Nguyên	206.960	71.748	33%
Kon Tum	32.100	541	4%
Gia Lai	83.310	19.357	23%
Đắk Lắk	59.450	32.700	55%
Lâm Đồng	32.100	19.150	59%

Bằng sự tự khai phá của các hộ dân cư và chính sách đầu tư khai hoang của Nhà nước, tính đến năm 2000 diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đồng bào là 69.790 ha, bình quân mỗi hộ có 1.18 ha, tăng 0,21 ha so với năm 1991. Đã có 45,05% số hộ có diện tích đất sản xuất ổn định. Trong đó số hộ có từ 2 ha trở lên là 8.434 hộ, bằng 14,21%; số hộ có từ 1-2 ha là 18.298 hộ, bằng 30,84%<sup>7</sup>.

Thực hiện Chi thị số 12 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, các địa phương và các sở, ban, ngành liên quan đã có nhiều cố gắng đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003 đã có 48.025 hộ dân tộc thiểu số tại chỗ với 48.807 ha được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>8</sup>.

Theo thống kê, tính đến 31 - 12 - 2003 tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đồng bào các dân tộc tỉnh Đắk Lắk là 69.790 ha. Trong đó, lúa nước là 10.913 ha, tăng 1.877 ha so với năm 1990; cây công nghiệp dài ngày là 41.183 ha, tăng 25.532 ha so với năm 1990, trong đó chủ yếu là tăng diện tích cây cà phê. Diện tích cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày là 17.694 ha. Trong số diện tích cây công nghiệp dài ngày, cà phê có 34.834 ha, tiêu có 323 ha, các loại cây khác là 6.026 ha<sup>9</sup>.

Tổng diện tích trồng trọt tăng từ 80.000 ha/năm 1986 lên 92.478 ha/năm 1995, 118.492 ha/năm 2000 và đến năm 2003 là 209.520 ha<sup>10</sup>.

Thực hiện định canh định cư cho đồng bào các dân tộc tại chỗ là chủ trương đúng đắn của Đảng. Kết quả đã ổn định nơi ăn chốn ở cho đồng bào, ổn định nơi sản xuất, xóa bỏ phương thức du canh du cư đã tồn tại từ lâu đời trong đồng bào các dân tộc, tăng cường khai thác và sử dụng đất rừng có hiệu quả hơn, nâng cao năng

suất lao động, bảo vệ được đất rừng, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự tại địa bàn.

3. Bước vào thời kỳ đổi mới, thành tựu quan trọng của Đắk Lắk là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Nhìn chung hoạt động của các thành phần kinh tế ở Đắk Lắk trong giai đoạn 1986 - 2003 vẫn tập trung vào khai thác tài nguyên từ đất, rừng để phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Chính vì vậy mà vấn đề đất đai, quản lý và sử dụng đất đai luôn là tác nhân quan trọng ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Do chủ trương khuyến khích phát triển kinh tế của Nhà nước cùng với sự góp sức của các thành phần kinh tế, các bộ phận dân cư, diện tích đất trồng trọt và định canh định cư tiếp tục được mở rộng theo hướng chuyên mạnh sang sản xuất hàng hóa với quy mô và tốc độ lớn. Điều đáng chú ý là trong giai đoạn này, diện tích các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đều tăng nhanh cùng với việc khai thác đất đai một cách có hiệu quả và đúng mục đích đã dẫn tới mặt bằng đời sống mọi mặt của người dân Đắk Lắk nói chung trong thời kỳ đổi mới được cải thiện và nâng cao nhiều hơn so với trước.

Những chủ trương, chính sách về quản lý và sử dụng ruộng đất của Đảng, Nhà nước và của địa phương trong thời kỳ đổi mới đã làm cho cơ chế quản lý và hoạt động sản xuất của các nông - lâm trường có sự chuyển đổi căn bản. Nghị định 388 năm 1993 của Chính phủ quy định: các nông - lâm trường có nghĩa vụ giao nộp đủ sản phẩm và thuê cho nhà nước, ngoài ra được hoàn toàn chủ động về kế hoạch, về sản xuất và được tự hạch toán kinh doanh. Ở các nông - lâm trường, từ chỗ tuyển chọn sử dụng lao động theo biên chế sang hình thức hợp đồng khoán, hộ gia đình công nhân

được coi là đơn vị kinh tế tự chủ, các hộ được nhận khoán ổn định và lâu dài trên các loại đất trồng khác nhau, dưới những hình thức khác nhau. Bên cạnh đó, những chủ trương, chính sách này một mặt điều chỉnh mức độ tiếp nhận dân kinh tế mới, góp phần cho Trung ương có kế hoạch giãn dân hợp lý trong cả nước, mặt khác phần nào hạn chế được tình trạng dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc vào và định canh định cư cho bộ phận cư dân bản địa sống ở vùng sâu vùng xa.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã nêu ở phần trên, vấn đề nổi lên là việc quản lý đất đai, quản lý kế hoạch sản xuất vẫn còn lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng mua bán, lấn chiếm, cấp đất trái pháp luật; có những người tích tụ đất nhiều, nhưng cũng có những hộ nông dân thiếu hoặc không có đất sản xuất. Một số diện tích không nhỏ đất nông nghiệp đã chuyển sang đất xây dựng không theo quy hoạch.

Từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, vấn đề dân di cư tự do đến Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng đã là một hiện tượng xã hội nổi cộm của Tây Nguyên trong đó Đắk Lắk là tỉnh đứng đầu của vùng Tây Nguyên phải đón nhận tình trạng dân di cư tự do ồ ạt. Tình trạng dân di cư tự do đến Đắk Lắk với tốc độ ngày càng tăng, đã gây quá tải về cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái, đặc biệt gây nên sự xáo trộn lớn trong việc quản lý và sử dụng đất đai ở Đắk Lắk.

Bên cạnh đó, các thế lực phản động chống Đảng, chống phá Nhà nước Việt Nam đã lợi dụng, lôi kéo, kích động một số phần tử cực đoan gây nên một số vụ bạo loạn, ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

*(Xem tiếp trang 81)*

- Các bài dự thi có chất lượng sẽ được Ban Chỉ đạo Cuộc thi xem xét để xuất bản thành sách “**Đảng trong cuộc sống hôm nay**”. Đây sẽ là công trình có ý nghĩa thiết thực chào mừng thành công đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XI của Đảng.

- Các bài dự thi sẽ do Ban Tổ chức Cuộc thi giữ bản quyền.

### **Điều 7: Thông báo kết quả và trao giải thưởng**

- Địa điểm: Nhà hát Lớn Hà Nội hoặc Cung văn hóa Lao động Hữu nghị Việt - Xô.

- Thời gian: Dự kiến vào giữa tháng 12 năm 2010 (thời gian cụ thể sẽ do Ban Chỉ đạo Cuộc thi họp và quyết định chính thức).

- Ban Chỉ đạo sẽ tổ chức trao giải thưởng cho những tập thể và cá nhân đạt giải tại buổi lễ Tổng kết và trao giải Cuộc thi.

Khi đến nhận giải thưởng, tập thể và cá nhân đạt giải cần mang theo Giấy giới thiệu hoặc Giấy chứng minh nhân dân. Trường hợp không có điều kiện trực tiếp đến nhận, Ban Tổ chức Cuộc thi sẽ gửi giải thưởng qua bưu điện.

- Cá nhân đạt giải đến nhận giải thưởng được đài thọ chi phí đi lại; được bố trí nơi ăn, ở trong thời gian đến nhận giải thưởng (không áp dụng đối với đại diện tổ chức và cá nhân đạt giải sống tại Hà Nội và đang sinh sống ở nước ngoài).

- Tùy theo chất lượng và số lượng các tác phẩm dự thi, Ban Chỉ đạo Cuộc thi có thể điều chỉnh cơ cấu của mỗi loại giải thưởng; ngoài ra có thể xem xét trao một số giải đặc biệt.

### **Điều 8: Điều khoản thi hành**

Thẻ lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký và được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc sửa đổi, điều chỉnh nội dung của Thẻ lệ chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý, thống nhất bằng văn bản của Ban Chỉ đạo Cuộc thi.

## **VÀI NÉT VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ...**

(Tiếp theo trang 78)

Từ thực trạng đó cho thấy, muốn ổn định và từng bước nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc, xây dựng khối đoàn kết dân tộc, giải quyết các vấn đề xã hội thì phải giải quyết tốt vấn đề đất đai – một trong những nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk tại Đại hội đại biểu lần thứ XI*, 1992, tr. 3

2. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo tình hình năm 1989 và nhiệm vụ năm 1990 về kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk*, 1990, tr. 3

3. Đặng Nghiêm Vạn: “Những vấn đề xã hội hiện nay ở Tây Nguyên”, *Tây Nguyên trên đường phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989, tr. 96

4. Bùi Minh Đạo (chủ biên): *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, H, 2000, tr. 124

5, 6. Bùi Minh Đạo (chủ biên): *Thực trạng đói nghèo và một số giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, H, 2005, tr. 111, 119

7, 8. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện công tác định canh định cư (1991 - 2000) và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2001 - 2005*

9. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện chương trình 135 giai đoạn I (1999 - 2005)*

10. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng năm 2003 và kế hoạch năm 2004*.